

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
5. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11 - 12
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	13 - 41



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Phú Yên theo Quyết định số 69/KH-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400115690, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 7 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác, xử lý và phân phối nước sạch.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Điện thoại : 0257.3823557

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên – Chi nhánh Dịch vụ - Xây lắp	Số 07 Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên – Chi nhánh cấp nước số 1	Số 229 Lê Lợi, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên – Chi nhánh cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, phường Sông Cầu, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên – Chi nhánh cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, xã Sông Hinh, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Phú Liệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Thế Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Ông Mai Song Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Ông Văn Kim Hùng Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Ông Đặng Đức Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Ông Tạ Bình Nguyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Trần Thị Trúc Linh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Bà Phan Thị Mỹ Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025
Ông Đỗ Minh Sơn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Bà Đỗ Thị Kiều Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Hoàng Lợi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Ông Đỗ Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2026
Ông Nguyễn Phú Liệu	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Khắc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Xuân Tựu	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Hoàng Lợi	Tổng Giám đốc	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2026
Ông Đỗ Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Đến ngày 16 tháng 7 năm 2026

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Hoàng Lợi
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2026





Số: 3.0187/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2026, từ trang 6 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Miền Trung



Hàng Quỳnh Hạnh

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2023-008-1

Người được ủy quyền

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2026

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.444.348.387	95.016.599.781
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.691.728.544	8.145.469.866
1. Tiền	111		9.691.728.544	8.145.469.866
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65.850.400.755	75.779.984.563
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	65.850.400.755	75.779.984.563
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.532.205.619	2.252.426.524
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.946.339.101	3.046.029.108
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.329.822.265	1.175.575.685
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	752.744.235	526.770.353
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.3,6	(2.786.848.227)	(2.786.848.227)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		290.148.245	290.899.605
IV. Hàng tồn kho	140		7.174.042.660	7.399.258.534
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7.174.042.660	7.399.258.534
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.195.970.809	1.439.460.294
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	178.625.182	317.200.268
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		1.017.345.627	1.120.757.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	-	1.502.716
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		392.375.335.851	382.226.046.656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		825.000.000	825.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	825.000.000	825.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		303.978.642.421	310.881.395.074
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	303.839.748.891	310.844.881.176
- Nguyên giá	222		750.184.519.827	743.200.220.314
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(446.344.770.936)	(432.355.339.138)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	138.893.530	36.513.898
- Nguyên giá	228		1.228.145.670	1.098.145.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.089.252.140)	(1.061.631.772)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		67.760.951.133	49.838.041.392
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	67.760.951.133	49.838.041.392
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		19.810.742.297	20.681.610.190
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	19.796.418.125	20.664.124.559
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.12	2.930.522	6.091.981
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	V.13	11.393.650	11.393.650
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		478.819.684.238	477.242.646.437

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		60.999.764.124	46.924.226.909
I. Nợ ngắn hạn	310		36.795.908.888	27.088.777.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	16.806.564.184	8.213.539.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	188.416.523	84.084.058
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.16	69.179.808	42.536.725
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	1.553.987.941	1.618.452.024
5. Phải trả người lao động	315		3.675.932.540	4.251.943.384
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.18	3.174.924.150	990.856.121
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19	1.290.885.335	1.638.002.166
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20a,c	9.917.724.862	9.917.724.862
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	118.293.545	331.638.654
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.203.855.236	19.835.449.745
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.20b,c	24.203.855.236	19.835.449.745
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		417.819.920.114	430.318.419.528
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	383.635.790.000	383.635.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		383.635.790.000	383.635.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		8.783.241.099	8.783.241.099
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	15.000.394.589	15.000.394.589
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	10.400.494.426	22.898.993.840
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		648.118.020	22.898.993.840
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		9.752.376.406	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		478.819.684.238	477.242.646.437

Nguyễn Ngọc Diễm Trang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Tựu
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Phạm Hoàng Lợi
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	68.895.315.762	65.308.565.823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		68.895.315.762	65.308.565.823
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.777.684.638	38.213.448.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.117.631.124	27.095.117.424
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	1.878.105.062	2.835.467.147
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	872.759.788	1.171.944.488
Trong đó: chi phí đi vay	24		872.759.788	1.171.944.488
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.168.856.719	11.513.318.438
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.930.879.724	5.715.684.367
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.023.239.955	11.529.637.278
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.338.523.543	4.251.869
13. Chi phí khác	32	VI.8	634.712.669	5.762.738
14. Lợi nhuận khác	40		1.703.810.874	(1.510.869)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.727.050.829	11.528.126.409
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	1.458.229.995	1.306.692.260
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	3.161.459	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.265.659.375	10.221.434.149
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	254	253
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	254	253

Phê duyệt, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Ngọc Diễm Trang
Người lập biểuNguyễn Thị Xuân Tựu
Kế toán trưởngPhạm Hoàng Lợi
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.727.050.829	11.528.126.409
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	14.916.842.630	15.314.311.841
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3,7	(1.878.925.728)	(2.835.467.147)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	872.759.788	1.171.944.488
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.637.727.519	25.178.915.591
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		112.397.126	4.610.936.966
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	225.215.874	(970.016.123)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.980.284.954	1.473.210.708
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	V.8	1.006.281.520	486.775.409
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.18, VI.4	(902.512.963)	(1.203.350.617)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(1.765.814.926)	(715.190.710)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	12.420.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(780.330.000)	(1.457.162.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.513.249.104	27.416.538.324
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4,14 V.9,10,11	(17.920.637.041)	(21.292.211.284)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9.868.698	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.000.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3,7	799.605.163	364.536.547
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.111.163.180)	(14.927.674.737)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

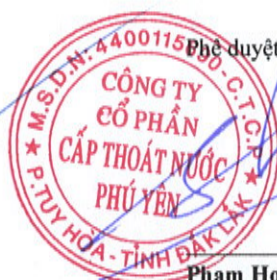
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	9.327.267.922	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(4.958.862.431)	(4.958.862.431)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 22	(22.224.232.737)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.855.827.246)	(4.958.862.431)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.546.258.678	7.530.001.156
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.145.469.866	6.384.416.442
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	9.691.728.544	13.914.417.598

Nguyễn Ngọc Diễm Trang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Tựu
Kế toán trưởng

Phạm Hoàng Lợi
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật



Phê duyệt, ngày 11 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất nước sạch và cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác, xử lý và phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên - Chi nhánh Dịch vụ - Xây lắp	Số 07 Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên - Chi nhánh cấp nước số 1	Số 229 Lê Lợi, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên - Chi nhánh cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, phường Sông Cầu, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên - Chi nhánh cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, xã Sông Hình, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 252 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 247 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "PWS" theo Quyết định số 468/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 30 tháng 6 năm 2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (“VND”) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 99”) và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí thay thế đầu nổi đồng hồ

Chi phí thay thế đầu nổi liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 03 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (không quá 03 năm).

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 03 năm).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	02 - 20

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 02 - 08 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác ở công ty là hệ thống mạng quản lý và phòng hóa nghiệm theo tiêu chuẩn ISO. Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa hệ thống vào sử dụng. Các tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 20 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí cấp nước an toàn, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)



11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm giá trị ban đầu được thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện được hai bên thống nhất, bao gồm các khoản thay đổi phạm vi công việc, yêu cầu bổ sung, tiền thưởng hoàn thành sớm tiến độ hoặc các khoản bồi thường bù đắp chi phí phát sinh ngoài giá hợp đồng - với điều kiện các khoản này có thể xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng được phê duyệt.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, khoản lỗ dự kiến được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, toàn bộ khoản lỗ dự kiến của hợp đồng được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện, không phụ thuộc vào giai đoạn hoàn thành của hợp đồng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chỉ phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, cổ đông góp vốn có ảnh hưởng đáng kể.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	23.540.577	83.872
Tiền gửi không kỳ hạn	9.668.187.967	8.145.385.994
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	3.222.871.627	2.812.689.601
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.168.223.960	381.923.851
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.269.768.247	1.332.448.746
- Các ngân hàng khác	2.007.324.133	3.618.323.796
Cộng	9.691.728.544	8.145.469.866

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 đến 13 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn	63.300.000.000	63.300.000.000	74.300.000.000	74.300.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Phú Yên	13.000.000.000	13.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	11.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Phú Yên	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	7.000.000.000	7.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
Các ngân hàng khác	9.800.000.000	9.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
Lãi dự thu	2.550.400.755	2.550.400.755	1.479.984.563	1.479.984.563
Cộng	65.850.400.755	65.850.400.755	75.779.984.563	75.779.984.563

Tất cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn đều có khả năng thu hồi, không cần trích lập dự phòng. Không có biến động dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trong kỳ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa	2.327.692.000	(2.327.692.000)	2.327.692.000	(2.327.692.000)
Các khách hàng khác	618.647.101	(459.156.227)	718.337.108	(459.156.227)
Cộng	2.946.339.101	(2.786.848.227)	3.046.029.108	(2.786.848.227)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	451.000.000	-
Công ty TNHH Môi trường Minh Thái	157.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Phát triển Sài Gòn	125.121.935	264.121.935
Các nhà cung cấp khác	596.700.330	911.453.750
Cộng	1.329.822.265	1.175.575.685

Trong đó, khoản trả trước cho người bán về mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản cuối kỳ là 1.057.010.585 VND (số đầu năm là 823.450.685 VND).

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	13.865.000	-	50.389	-
Chi hỗ trợ người lao động khắc phục thiên tai - chờ bù trừ phân phối quỹ phúc lợi cuối năm 2026	500.000.000	-	500.000.000	-
Quỹ phúc lợi chi vượt (xem thuyết minh số V.21)	73.934.476	-	20.232.554	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	164.944.759	-	6.487.410	-
Cộng	752.744.235	-	526.770.353	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ cho Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo thực hiện đầu tư đối với dự án Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước Khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900m³/ngày đêm lên 10.000 m³/ngày đêm.

6. Nợ quá hạn, nợ xấu

Các khoản phải thu khách hàng, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phòng Quản lý Đô thị TP. Tuy Hoà	Trên 3 năm	2.327.692.000	-	Trên 3 năm	2.327.692.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Toàn Cầu	Trên 3 năm	86.500.000	-	Trên 3 năm	86.500.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác về tiền sử dụng nước		396.146.731	23.490.504		396.146.731	23.490.504
	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	10.203.182	7.142.212
	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	25.847.356	14.964.305	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	25.200.399	12.600.199
	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	17.511.739	7.164.761	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	12.493.642	3.748.093
	Trên 3 năm	352.787.636	1.361.438	Trên 3 năm	348.249.508	-
Cộng		2.810.338.731	23.490.504		2.810.338.731	23.490.504

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	600.000	-	35.000	-
Nguyên liệu, vật liệu ⁽ⁱ⁾	7.106.747.303	-	7.332.528.177	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	66.695.357	-	66.695.357	-
Cộng	7.174.042.660	-	7.399.258.534	-

⁽ⁱ⁾ Vật tư hư hỏng do lũ lụt tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 306.294.464 VND đang chờ công ty bảo hiểm giải quyết bồi thường.**8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	37.921.524	87.853.650
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.166.669	39.141.132
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	134.536.989	190.205.486
Cộng	178.625.182	317.200.268

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thay thế đầu nối đồng hồ	15.929.282.837	17.055.110.872
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.385.600.762	2.530.350.837
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.231.970.418	991.358.278
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	268.214.108	87.304.572
Cộng	19.796.418.125	20.664.124.559

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	124.755.470.226	70.067.955.687	542.881.045.918	5.495.748.483	743.200.220.314
Đầu tư xây dựng hoàn thành	1.740.883.864	432.573.268	5.642.716.849	95.175.926	7.911.349.907
Thanh lý, nhượng bán		(392.377.667)		(534.672.727)	(927.050.394)
Số cuối kỳ	126.496.354.090	70.108.151.288	548.523.762.767	5.056.251.682	750.184.519.827
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	37.904.111.057	23.984.634.154	23.431.196.218	598.461.819	85.918.403.248
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	90.556.530.184	51.517.616.999	287.835.302.142	2.445.889.813	432.355.339.138
Khấu hao trong kỳ	2.234.475.142	1.949.677.962	10.322.988.920	408.375.843	14.915.517.867
Thanh lý, nhượng bán	-	(391.413.342)	-	(534.672.727)	(926.086.069)
Số cuối kỳ	92.791.005.326	53.075.881.619	298.158.291.062	2.319.592.929	446.344.770.936

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	34.198.940.042	18.550.338.688	255.045.743.776	3.049.858.670	310.844.881.176
Số cuối kỳ	33.705.348.764	17.032.269.669	250.365.471.705	2.736.658.753	303.839.748.891
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống tuyến ống dẫn nước	534.571.199.303	290.787.008.924	243.784.190.379
Tài sản cố định hữu hình khác	215.613.320.524	155.557.762.012	60.055.558.512
Cộng	750.184.519.827	446.344.770.936	303.839.748.891

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đã thanh lý trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Giá thanh lý
Các máy bơm chìm	339.662.667	339.662.667	-	6.246.000
Máy in hóa đơn tốc độ cao Printronti	323.818.182	323.818.182	-	1.402.500
Tài sản cố định hữu hình khác	263.569.545	262.605.220	964.325	2.506.500
Cộng	927.050.394	926.086.069	964.325	10.155.000

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính	Giấy phép khai thác nước	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	666.500.000	97.272.727	334.372.943	1.098.145.670
Mua trong kỳ	130.000.000	-	-	130.000.000
Số cuối kỳ	796.500.000	97.272.727	334.372.943	1.228.145.670
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	501.500.000	97.272.727	334.372.943	933.145.670
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	629.986.102	97.272.727	334.372.943	1.061.631.772
Khấu hao trong kỳ	27.620.368	-	-	27.620.368
Số cuối kỳ	657.606.470	97.272.727	334.372.943	1.089.252.140
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	36.513.898	-	-	36.513.898
Số cuối kỳ	138.893.530	-	-	138.893.530
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Chương trình phần mềm máy tính	796.500.000	657.606.470	138.893.530
Hệ thống mạng quản lý và phòng hóa nghiệm theo tiêu chuẩn ISO	334.372.943	334.372.943	-
Giấy phép khai thác nước	97.272.727	97.272.727	-
Cộng	1.228.145.670	1.089.252.140	138.893.530

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cộng
Mua sắm tài sản cố định	-	130.000.000	(130.000.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	49.753.518.250	23.538.491.743	(5.571.373.313)	(14.564.114)	67.706.072.566
- Công trình "Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000m ³ /ngày đêm lên 8.000m ³ /ngày đêm"	9.156.684.385	-	-	-	9.156.684.385
- Công trình "Cải tạo nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước TP Tuy Hòa, gồm: thi công tuyến Lê Duẩn, Thi công tuyến phía Bắc Tuy Hoà"	2.257.129.712	-	-	-	2.257.129.712
- Công trình "Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước Khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m ³ /ngày đêm lên 10.000 m ³ /ngày đêm (GĐ1: đến 2025: 5000 m ³ /ngày đêm)"	37.723.697.070	16.416.332.354	-	-	54.140.029.424
- Công trình khác	616.007.083	6.731.022.498	(5.180.236.422)	(14.564.114)	2.152.229.045
Sửa chữa lớn tài sản cố định	84.523.142	2.864.410.540	(2.339.976.594)	(554.078.521)	54.878.567
Cộng	49.838.041.392	26.141.765.392	(7.650.213.016)	(568.642.635)	67.760.951.133

Công ty đã thể chấp dự án Công trình "Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m³/ngày đêm lên 10.000 m³/ngày đêm – Giai đoạn 1" với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 54.140.029.424 VND (số đầu năm là 37.723.697.070 VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ của khoản chi phí kiểm toán quyết toán vốn đầu tư năm 2023. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.091.981	6.091.981
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(3.161.459)	-
Số cuối kỳ	2.930.522	6.091.981

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)



13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Là phụ tùng dự phòng sửa chữa.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường và Xây dựng Sài Gòn	13.464.192.164	5.808.918.340
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Việt Thắng	1.959.162.386	282.107.784
Các nhà cung cấp khác	1.383.209.634	2.122.513.046
Cộng	16.806.564.184	8.213.539.170

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản cuối kỳ là 15.591.568.782 VND (số đầu năm là 7.271.381.880 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Phong Phú	56.945.000	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Tuy An (trước đây là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Sông Cầu)	39.170.160	-
Công ty TNHH Thi công Tuấn Trí Thành	28.000.000	28.000.000
Các khách hàng khác	64.301.363	56.084.058
Cộng	188.416.523	84.084.058

16. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	69.179.808	42.536.725
Cộng	69.179.808	42.536.725

Là cổ tức phải trả các cổ đông sở hữu cổ phiếu không lưu ký do cổ đông này không thực hiện thủ tục để nhận cổ tức.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	305.449.713	(305.449.713)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	726.108.143	-	1.458.229.995	(1.765.814.926)	418.523.212	-
Thuế thu nhập cá nhân	20.072.875	-	61.962.100	(75.085.372)	6.949.603	-
Thuế tài nguyên	91.880.240	-	627.939.900	(606.355.380)	113.464.760	-
Phí bảo vệ môi trường	730.609.166	-	5.031.013.509	(4.890.691.870)	870.930.805	-
Tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	1.502.716	68.925.437	(18.751.160)	48.671.561	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	49.781.600	-	493.918.698	(448.252.298)	95.448.000	-
Cộng	1.618.452.024	1.502.716	8.047.439.352	(8.110.400.719)	1.553.987.941	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- | | |
|--|-----|
| - Cung cấp nước sạch cho doanh nghiệp trong khu chế xuất | 0% |
| - Khai thác và cung cấp nước sạch | 5% |
| - Xây lắp, tư vấn, thiết kế, bán vật tư | 10% |

6 tháng đầu năm 2026, Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau đối với thu nhập từ hoạt động xã hội hóa (đối với hoạt động sản xuất và cung ứng nước sạch) theo các quy định sau:

- Theo quy định tại điều 8 và điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 của Chính phủ và theo điều 15, điều 16 và điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ;
- Theo quy định tại mục V danh mục, loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại mục VI Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Theo hướng dẫn tại văn bản số 3139/CT-TTHT ngày 07/08/2018 về ưu đãi thuế TNDN đối với lĩnh vực xã hội hóa của Cục thuế tỉnh Phú Yên.

Đối với hoạt động sản xuất nước và cung ứng nước sạch, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt quá trình hoạt động, được giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm (từ năm 2020 đến hết năm 2024) đối với thu nhập tại thành phố Tuy Hòa và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm (từ năm 2020 đến hết năm 2028) đối với thu nhập tại các huyện còn lại.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.727.050.829	11.528.126.409
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	347.388.085	109.910.651
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Thu nhập chịu thuế/Thu nhập tính thuế	12.074.438.914	11.638.037.060
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch	7.986.551.699	8.516.015.419
- Thu nhập từ hoạt động khác	4.087.887.215	3.122.021.641
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.414.887.783	2.327.607.412



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(798.655.170)	(851.601.542)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(158.184.964)	(169.313.610)
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	182.346	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.458.229.995	1.306.692.260

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên để sản xuất nước sạch với giá tính thuế và mức thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
Nước mặt	4.000	1%
Nước ngầm	6.000	5%

Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Công ty nộp tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với mức phí 10% giá bán nước sạch sau khi trừ 5% giữ lại để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cấp nước an toàn	2.741.198.231	-
Chi phí lãi vay phải trả	123.971.561	153.724.736
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	309.754.358	837.131.385
Cộng	3.174.924.150	990.856.121

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	696.574.776	41.746.425
Phải trả phí bảo vệ môi trường	19.929.005	25.078.413
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Việt Thắng	189.615.106	258.915.106
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	384.766.448	1.312.262.222
Cộng	1.290.885.335	1.638.002.166

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

Trong đó, khoản phải trả khác liên quan đến hoạt động về đầu tư xây dựng cơ bản cuối kỳ là 189.615.106 VND (số đầu năm là 258.915.106 VND).

20. Vay ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	9.917.724.862	9.917.724.862
Cộng	9.917.724.862	9.917.724.862

Chi tiết số phát sinh về các khoản ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.917.724.862	9.917.724.862
Kết chuyển từ vay dài hạn	4.958.862.431	4.958.862.431
Số tiền vay đã trả	(4.958.862.431)	(4.958.862.431)
Số cuối kỳ	9.917.724.862	9.917.724.862

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung Bộ ⁽ⁱ⁾	14.876.587.314	19.835.449.745
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phú Yên ⁽ⁱⁱ⁾	9.327.267.922	-
Cộng	24.203.855.236	19.835.449.745

- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung Bộ) theo các Hiệp định vay vốn ADB ngày 26 tháng 7 năm 2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 10.743.000 USD nhằm mục đích đầu tư “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB-TA No3323-VIE, tỉnh Phú Yên”. Thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm tính trên số dư nợ vay, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay, lãi phạt chậm trả là 130% lãi suất cho vay tính trên số dư nợ (gốc, lãi, phí) chậm trả, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Theo Biên bản lịch trả nợ ngày 12/12/2018, khoản vay được cơ cấu lại lịch trả nợ, tổng nợ gốc vay 99.177.248.641 VND được trả thành 20 khoản bằng nhau trong 20 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là ngày 01/06/2019. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung Bộ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	9.917.724.862	9.917.724.862
Trên 1 năm đến 5 năm	14.876.587.314	19.835.449.745
Cộng	24.794.312.176	29.753.174.607



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phú Yên theo Hợp đồng vay số 4600-LAV-2025.01687 ngày 19 tháng 3 năm 2025 để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m³/ngày đêm lên 10.000 m³/ngày đêm với số tiền vay tối đa là 60.868.701.273 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ là 6%/năm), thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 180 tháng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất số 01/HĐTC/QSHCT-CTN ngày 22/09/2025 và Hợp đồng thế chấp động sản hình thành trong tương lai số 02/HĐTC/MMTB-CTN ngày 22/09/2025, cụ thể:

- Thửa đất số 418, tờ bản đồ số 1, diện tích 7.144,6 m² tại thôn Bình Thạnh, xã Xuân Cảnh, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 03382929 do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/09/2025;
- Thửa đất số 417, tờ bản đồ số 1, diện tích 855,4 m² tại thôn Bình Thạnh, xã Xuân Cảnh, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 03382928 do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/09/2025;
- Máy móc và Công trình thuộc dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m³/ngày đêm lên 10.000m³/ngày đêm (xem Thuyết minh số V.11).

Chưa có lịch trả nợ cụ thể đối với khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phú Yên.

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	19.835.449.745	29.753.174.607
Số tiền vay phát sinh	9.327.267.922	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(4.958.862.431)	(4.958.862.431)
Số cuối kỳ	24.203.855.236	24.794.312.176

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	331.638.654	(20.232.554)	311.406.100
Tăng do trích từ lợi nhuận	153.984.891	359.298.078	513.282.969
Chi quỹ trong kỳ	(367.330.000)	(413.000.000)	(780.330.000)
Chuyển sang phải thu khác	-	73.934.476	73.934.476
Số cuối kỳ	118.293.545	-	118.293.545

Số dư quỹ phúc lợi chỉ vượt được trình bày tại chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (xem Thuyết minh số V.5a).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)



22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	383.635.790.000	8.783.241.099	15.000.394.589	38.639.560.038	446.058.985.726
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	10.221.434.149	10.221.434.149
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025	-	-	-	(511.071.707)	(511.071.707)
Số dư cuối kỳ trước	383.635.790.000	8.783.241.099	15.000.394.589	48.349.922.480	455.769.348.168
Số dư đầu năm nay	383.635.790.000	8.783.241.099	15.000.394.589	22.898.993.840	430.318.419.528
Chia cổ tức năm 2025	-	-	-	(22.250.875.820)	(22.250.875.820)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	10.265.659.375	10.265.659.375
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ này	-	-	-	(513.282.969)	(513.282.969)
Số dư cuối kỳ này	383.635.790.000	8.783.241.099	15.000.394.589	10.400.494.426	417.819.920.114

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Có sự thay đổi cổ đông lớn trong kỳ. Chi tiết vốn điều lệ theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)	147.406.000.000	38,42	147.406.000.000	38,42
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BIWELCO	92.072.590.000	24,00	-	-
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	92.072.590.000	24,00	-	-
Công ty Cổ phần nước Aqua One	-	-	228.790.250.000	59,64
Các cổ đông khác	52.084.610.000	13,58	7.439.540.000	1,94
Cộng	383.635.790.000	100,00	383.635.790.000	100,00

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.363.579	38.363.579
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.363.579	38.363.579
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.363.579	38.363.579

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số còn được trích
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.190.684.884	1.190.684.884	-
• Chia cổ tức	22.250.875.820	-	22.250.875.820

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay với số tiền 513.282.969 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

23. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

23a. Tài sản cầm cố, thế chấp

Công ty đã thế chấp dự án Công trình "Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m³/ngày đêm lên 10.000 m³/ngày đêm – Giai đoạn I" cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phú Yên để đảm bảo thanh toán cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng này (xem Thuyết minh số V.11 và V.20b).

Giá trị theo sổ sách tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 54.140.029.424 VND (số đầu năm là 37.723.697.070 VND), được thế chấp cho đến khi trả hết nợ vay (tối đa 180 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên – ngày 03/03/2026).

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý theo Quyết định số 16/QĐ-CTN ngày 28/02/2023	130.308.534	130.308.534
Nợ khó đòi đã xử lý theo Quyết định số 10/QĐ-CTN ngày 29/01/2024	36.088.642	36.649.642
Nợ khó đòi đã xử lý theo Quyết định số 111/QĐ-CTN ngày 25/12/2024	6.367.025	6.553.763
Cộng	172.764.201	173.511.939

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán nước sạch	67.553.945.811	63.970.309.431
Doanh thu bán hàng hóa	151.525.243	55.951.308
Doanh thu cung cấp dịch vụ	238.337.811	201.849.664
Doanh thu hợp đồng xây dựng	914.332.737	1.050.933.900
Doanh thu điện mặt trời	37.174.160	29.521.520
Cộng	68.895.315.762	65.308.565.823

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước sạch	38.249.813.670	37.659.603.953
Giá vốn của hàng hóa đã bán	137.578.996	48.477.253
Giá vốn của hoạt động xây dựng	384.316.978	477.855.423
Giá vốn sản xuất điện mặt trời	5.974.994	27.511.770
Cộng	38.777.684.638	38.213.448.399

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.870.021.355	2.828.070.327
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.083.707	7.396.820
Cộng	1.878.105.062	2.835.467.147

4. Chi phí tài chính

Là chi phí đi vay - lãi vay phát sinh trong kỳ.

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.691.049.474	5.334.369.590
Chi phí vật liệu, đồ dùng	6.021.263.388	4.830.387.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.646.162	41.646.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.437.695	630.071.213
Các chi phí khác	835.460.000	676.843.589
Cộng	14.168.856.719	11.513.318.438

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.239.096.983	3.506.610.017
Chi phí vật liệu quản lý	81.551.312	40.759.308
Chi phí đồ dùng văn phòng	167.671.249	114.044.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	330.064.820	267.942.913
Thuế, phí và lệ phí	68.925.427	51.640.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.277.233.591	936.020.551
Các chi phí khác	766.336.342	798.666.441
Cộng	6.930.879.724	5.715.684.367



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	8.904.373	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư	2.251.200.000	-
Xử lý thừa thiếu kiểm kê	18.265.496	1.909.068
Thu nhập khác	60.153.674	2.342.801
Cộng	2.338.523.543	4.251.869

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	23.808	12.039
Chi phí thanh lý vật tư	207.454.528	-
Các khoản chi phí khác	427.234.333	5.750.699
Cộng	634.712.669	5.762.738

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại

10. Lãi trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.265.659.375	10.221.434.149
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(513.282.969)	(511.071.707)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	9.752.376.406	9.710.362.442
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	38.363.579	38.363.579
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	254	253

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	137.578.996	48.477.253
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.638.212.902	11.719.163.725
Chi phí nhân công	20.890.829.127	17.609.630.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.884.055.785	15.304.814.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.280.699.944	6.776.263.267
Chi phí khác	4.046.044.327	3.984.101.647
Cộng	59.877.421.081	55.442.451.204



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 15.781.183.888 VND.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, Công ty chỉ phát sinh giao dịch chi trả cổ tức trong kỳ này với số tiền 38.097.793 VND (kỳ trước là 0 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	197.758.508	36.000.000	233.758.508
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	213.435.359	30.000.000	243.435.359
Ông Nguyễn Phú Liệu	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	198.568.508	30.000.000	228.568.508
Ông Nguyễn Khắc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	198.538.508	-	198.538.508
Ông Đặng Đức Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	30.000.000	30.000.000
Ông Tạ Bình Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Tựu	Kế toán trưởng	186.987.274	-	186.987.274
Ông Đỗ Minh Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000
Bà Đỗ Thị Kiều Trang	Kiểm soát viên	-	27.000.000	27.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Kiểm soát viên	-	27.000.000	27.000.000
Cộng		995.288.157	246.000.000	1.241.288.157



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	179.870.000	27.000.000	206.870.000
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	194.300.000	24.000.000	218.300.000
Ông Nguyễn Phú Liệu	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	179.900.000	24.000.000	203.900.000
Ông Đặng Đức Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Tạ Bình Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Khắc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	179.870.000	-	179.870.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Tựu	Kế toán trưởng	168.810.000	-	168.810.000
Ông Đỗ Minh Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	-	27.000.000	27.000.000
Bà Đỗ Thị Kiều Trang	Kiểm soát viên	-	21.000.000	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Kiểm soát viên	-	21.000.000	21.000.000
Cộng		902.750.000	192.000.000	1.094.750.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)	Cổ đông nắm giữ 38,42% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BIWELCO	Cổ đông nắm giữ 24% vốn điều lệ từ ngày 21/05/2026
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Cổ đông nắm giữ 24% vốn điều lệ từ ngày 21/05/2026
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	Cổ đông nắm giữ 59,64% vốn điều lệ đến ngày 21/05/2026
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt đến ngày 21/05/2026

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)		
Cổ tức phải trả	8.549.548.000	-
Công ty chỉ trả cổ tức	8.549.548.000	-
Công ty Cổ phần Nước Aqua One		
Cổ tức phải trả	13.269.834.500	-
Công ty chỉ trả cổ tức	13.269.834.500	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 đường Hải Dương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu không đáng kể và trong một khu vực địa lý là địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Số liệu so sánh

Áp dụng chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tổng hợp					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	74.300.000.000	1.479.984.563	75.779.984.563	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	2.006.754.916	(1.479.984.563)	526.770.353	(i)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	42.536.725	42.536.725	(ii)
Phải trả ngắn hạn khác	320	1.680.538.891	(42.536.725)	1.638.002.166	(ii)

(i) Phân loại lại lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn sang Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.

(ii) Phân loại lại cổ tức phải trả.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 16 tháng 7 năm 2026 đã bổ nhiệm các thành viên quản lý chủ chốt mới do có sự thay đổi cổ đông lớn trong kỳ và chấp thuận việc Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (mã chứng khoán: BWE – là bên liên quan của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BIWELCO) nhận chuyển nhượng 11.774.296 cổ phiếu của Công ty (tương ứng 30,69% vốn điều lệ) từ cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BIWELCO (19%) và các cổ đông cá nhân khác (11,69%) mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Sau khi hoàn tất giao dịch, tổng tỷ lệ sở hữu dự kiến của Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương và tổ chức có liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BIWELCO tại Công ty là 35,69% vốn điều lệ. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được phê duyệt phát hành, giao dịch đang trong quá trình thực hiện và chưa hoàn tất.



Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đ. T. N. H. H. ★
H. A. N. H. H. A.

Phạm Hoàng Lợi
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

